

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**



**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 3**

Số: 213/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phường 3, ngày 09 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu ước thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quý II năm 2024 của Ủy ban nhân dân Phường 3

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25/06/2015;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh, về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn Thành phố;
Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND, ngày 27/12/2023, của HĐND phường 3 về việc thông qua dự toán thu và phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2024 phường 3;
Xét đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán phường 3, ngày 09/7/2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Công bố công khai số liệu ước thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước Quý II năm 2024 của UBND Phường 3 (đính kèm biểu mẫu).
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân, Công chức Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng TCKH TP;
- Đảng ủy P3;
- TT HĐND P3;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Thị Cẩm

UBND Phường 3

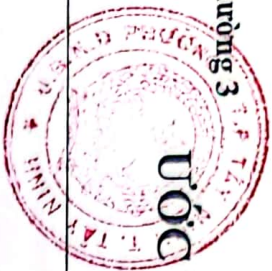
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Biểu số 113/CK TC - NSNN

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024	SO SÁNH (%) 3 = 2/1
		1	2		
A					
I	TỔNG SỐ THU	9.699.278.000	17.542.257.611	180,86	
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	375.000.000	183.460.526	48,92	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	8.237.969.000	4.683.825.634	56,86	
3	Thu bổ sung	139.800.000	108.400.000	77,54	
	- Bổ sung cân đối ngân sách				
	- Bổ sung có mục tiêu	139.800.000	108.400.000	77,54	
4	Thu chuyển nguồn	946.509.000	12.566.571.451	1327,68	
II	TỔNG SỐ CHI	9.699.278.000	3.761.238.084	38,78	
2	Chi thường xuyên	9.514.312.000	3.761.238.084	39,53	
3	Dự phòng	184.966.000			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phân trăm (%) cho xã.



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX		
A									
	Tổng số thu	15.069.000.000	9.699.278.000	8.499.322.951	17.542.257.611	56,40	180,86		
I	Các khoản thu 100%	375.000.000	375.000.000	463.040.172	183.460.526	123,48	48,92		
1	Phí, lệ phí	350.000.000	350.000.000	91.736.500	91.736.500	26,21	26,21		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác								
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp								
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			236.400.000	38.124.000				
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân								
8	Thu khác	25.000.000	25.000.000	134.903.672	53.600.026	539,61	214,40		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	14.694.000.000	7.212.200.000	8.036.282.779	4.683.825.634	54,69	64,94		
1	Các khoản thu phân chia	4.539.000.000	4.539.000.000	2.347.249.066	3.258.178.786	51,71	71,78		
1.1	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp	4.253.000.000	4.253.000.000	2.094.399.066	2.094.399.066	49,25	49,25		
1.2	Thu sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	286.000.000	286.000.000	252.850.000	272.750.000	88,41	95,37		
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất				891.029.720				
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định	10.155.000.000	2.673.200.000	5.689.033.713	1.425.646.848	56,02	53,33		
2.1	Thu tiền sử dụng đất								
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước								
2.3	Thuế tài nguyên	10.000.000	10.000.000	6.300.000	6.300.000	63,00	63,00		
2.4	Thuế giá trị gia tăng	6.388.000.000	2.555.200.000	3.384.003.895	1.353.601.616	52,97	52,97		
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp								
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	3.649.000.000	108.000.000	2.232.984.586	65.745.232	61,19	60,88		
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt	108.000.000	108.000.000	65.745.232	65.745.232	60,88	60,88		
	Hướng do huyện thu xã hưởng		1.025.769.000						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)								
IV	Thu chuyển nguồn		946.509.000		12.566.571.451		1.327,68		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		TỔC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024				SỐ SẴNH (%)	
		THU NSNN 1	THU NSX 2	THU NSNN 3	THU NSX 4	THU NSNN 5 - 6.1	THU NSX 6 - 6.2		
A									
V	Thu kết dư ngân sách năm trước								
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		129.800.000		129.800.000				77,34
1	Thu bổ sung cần đổi								
2	Thu bổ sung có mục tiêu		129.800.000		129.800.000				77,34

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ 1	XDCB 2	TX 3	TỔNG SỐ 4	XDCB 5	TX 6	TỔNG SỐ 7 = 4/1	XDCB 8 = 5/2	TX 9 = 6/3
A	B	9.699.278.000		9.699.278.000	3.761.238.084		3.761.238.084	38,8		38,8
	Trong đó:									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	3.456.966.600		3.456.966.600	1.287.835.260		1.287.835.260	37,25		37,25
	Chi dân quân tự vệ	1.197.702.600		1.197.702.600	606.071.395		581.071.395	50,60		50,60
	Chi trật tự an toàn xã hội	2.259.264.000		2.259.264.000	681.763.865		681.763.865	30,18		30,18
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
5	Chi văn hóa, thông tin	213.100.000		213.100.000	72.110.000		72.110.000	33,84		33,84
7	Chi thể dục, thể thao	18.900.000		18.900.000						
8	Chi bảo vệ môi trường	45.000.000		45.000.000						
9	Chi các hoạt động kinh tế	421.756.500		421.756.500						
	Giao thông									
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.039.305.100		5.039.305.100	2.243.942.824		2.243.942.824	44,53		44,53
11	Chi cho công tác xã hội	151.683.000		151.683.000	150.310.000		150.310.000	99,09		99,09
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng				3.900.000		3.900.000			
	Khác				146.410.000		146.410.000			
12	Chi khác	41.410.800		41.410.800	7.040.000		7.040.000	17,00		17,00
13	Dự phòng	184.966.000		184.966.000						
14	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
15	Chi tạo nguồn CCTL	126.190.000		126.190.000						

Phường 3, ngày 09 tháng 07 năm 2024



THUYẾT MINH CÔNG KHAI

**Tình hình thực hiện thu – chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm
của UBND Phường 3**

Căn cứ báo cáo ước thực hiện thu chi ngân sách phường 6 tháng đầu năm 2024
UBND phường 3 thuyết minh tình hình ước thực hiện thu chi ngân sách 6 tháng
đầu năm 2024 như sau:

- Dự toán thu ngân sách NN trên địa bàn năm 2024: 15.069.000.000 đồng
- Dự toán thu ngân sách phường năm 2024: 9.699.278.000 đồng.
- Dự toán chi ngân sách năm 2024: 9.699.278.000 đồng, Trong đó:
 - + Chi thường xuyên: 9.248.322.000 đồng.
 - + Chi BSMT đầu năm: 139.800.000 đồng
 - + Chi dự phòng ngân sách: 184.966.000 đồng.
 - + Chi tạo nguồn CCL: 126.190.000 đồng
- Trong năm 2024 bổ sung có mục tiêu: 35.800.000 đồng. Trong đó:
 - + Tiền tết: 38.500.000 đồng.

I. Tình hình thực hiện thu – chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024:

1. Về thu ngân sách nhà nước: (đính kèm mẫu)

- Thu NSNN 6 tháng đầu năm 2024: 8.499.322.951đ/15.069.000.000 đồng, đạt
56,40% so với dự toán;

- Thu ngân sách phường 6 tháng đầu năm 2024: 17.542.257.611đ/9.699.278.000
đồng đạt 180,86% so với dự toán;

2. Về chi ngân sách nhà nước: (đính kèm mẫu)

- Chi ngân sách tháng đầu năm 2024: 3.761.238.084 đồng/9.699.278.000 đồng
đạt 38,78% so với dự toán;

**3. Đánh giá tình hình ước thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách trong 6
tháng đầu năm 2024**

3.1. Thực hiện thu ngân sách:

- Thu khác: 371.303.672đ/ 25.000.000đ đạt 1.485,21% so với dự toán;
- Thuế PNN: 2.094.399.066đ/4.253.000.000đ đạt 49,25% so với dự toán;
- Phí, lệ phí: 344.586.500đ/636.000.000đ, đạt 54,18% so với dự toán; (trong đó
phí môn bài: 252.850.000đ/350.000.000đ đạt 88,41% so với dự toán);



- Thuế TNCN: 2.232.984.586đ/3.649.000.000 đồng, đạt 61,19% so với dự toán;
- Thuế GTGT: 3.384.003.895đ/6.388.000.000đ, đạt 52,97% so với dự toán;
- Thuế TTĐB: 65.745.232đ/108.000.000 đồng; đạt 60,8% so với dự toán;
- Thuế Tài nguyên: 6.300.000 đồng/10.000.000 đồng, đạt 63% so với dự toán;

Trong 6 tháng đầu năm 2024, nhìn chung các sắc thuế đều thu đạt chỉ tiêu. Riêng khoản thu phí và lệ phí thấp 18.234.500/350.000.000đ, đạt 26,21% so với dự toán, nguyên nhân do địa phương không chủ động được trong việc thu do phụ thuộc vào số lượng hồ sơ người dân đến giao dịch. Mặc khác chỉ tiêu giao thu phí, lệ phí cao hơn so với năm trước nên tỷ lệ đạt thấp.

3.2. Thực hiện chi ngân sách:

- Chi QP-AN: 1.287.835.260đ/3.456.966.600đ, đạt 37,25% so với dự toán;
- Chi sự nghiệp Văn hoá: 72.110.000đ/213.100.000đ, đạt 33,84% so với dự toán; (trong đó chi cho Trung tâm VHTTHTCĐ số tiền: 24.750.000đ/40.000.000đ)
- Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể: 2.243.942.824 đồng/2.983.369.100 đồng, đạt 44,53% so với dự toán;
- Chi đảm bảo xã hội: 150.310.000đ/151.683.000đ, đạt 73,71% so với dự toán;
- Chi khác: 7.040.000đ/41.410.800đ, đạt 17% so với dự toán;

Công tác điều hành chi ngân sách về cơ bản chi theo kế hoạch đề ra. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc “lượng thu để chi”, chi tiêu ngân sách theo đúng chế độ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát trong chi tiêu, ưu tiên cho chi lương, các khoản có tính chất lương. Chi ngân sách đảm bảo kinh phí hoạt động cho bộ máy Đảng, đoàn thể, nhà nước hoạt động thường xuyên, thực hiện chi tiết kiệm, chống lãng phí.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024 của UBND Phường 3.

